

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**TCVN 8716 : 2011**

**TÀU BIỂN – TÍNH NĂNG HÃM VÀ QUAY – YÊU CẦU KỸ  
THUẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP THỬ**

*The vessel – Stopping and turning abilities and sea trial procedures*

**HÀ NỘI - 2011**

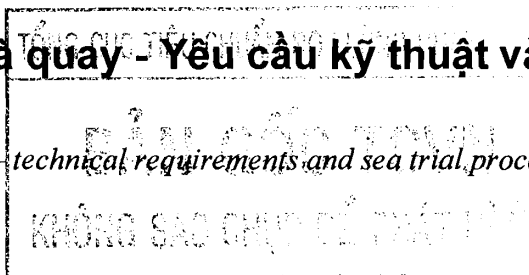
## Mục lục

1	Phạm vi áp dụng .....	5
2	Tài liệu viện dẫn .....	5
3	Thuật ngữ và định nghĩa .....	5
4	Các điều kiện thử .....	6
4.1	Điều kiện về vùng nước thử .....	6
4.2	Điều kiện về dòng chảy .....	6
4.3	Điều kiện về gió .....	6
4.4	Điều kiện về sóng .....	6
4.5	Điều kiện về tải trọng và hiệu số mớn nước .....	7
5	Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử về tính năng hãm của tàu .....	7
5.1	Các yêu cầu trước khi tiến hành đưa tàu đi thử .....	7
5.2	Các yêu cầu kỹ thuật .....	8
5.2.1	Các chú ý trong quá trình thử .....	9
5.2.2	Các yêu cầu kỹ thuật .....	9
5.3	Phương pháp thử tính năng hãm cưỡng bức .....	9
5.4	Phương pháp thử tính năng hãm tự do .....	10
6	Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử về tính năng quay trở của tàu .....	11
6.1	Yêu cầu kỹ thuật .....	11
6.2	Phương pháp thử khả năng quay trở về bên phải .....	12
6.3	Phương pháp thử khả năng quay trở về bên trái .....	13
6.4	Phương pháp thử khả năng quay trở ban đầu .....	14
6.5	Phương pháp thử khả năng giữ hướng và kiểm soát đảo hướng .....	15
6.6	Vẽ vòng quay trở xác định các thông số điều động tàu .....	18
6.6.1	Sử dụng Ra-đa với một phao hoặc mục tiêu cố định (phương pháp phương vị và khoảng cách tới một mục tiêu) .....	18
6.6.2	Phương pháp hướng đi và tốc độ .....	18
6.6.3	Sử dụng hệ thống định vị vệ tinh (GPS) .....	19

Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8716 : 2011 *Tàu biển - Tính năng hãm và quay - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử* do Trường Đại học Hàng hải biên soạn, Bộ Giao thông vận tải đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

## Tàu biển - Tính năng hãm và quay - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

*The vessel - Stopping and turning abilities - technical requirements and sea trial procedures*



### 1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối với tính năng hãm và quay trở của tàu biển đóng mới có chiều dài trên 100m.

### 3 Thuật ngữ và định nghĩa

**3.1 Tốc độ thử tàu (Speed test):** là tốc độ bằng ít nhất 90% tốc độ tàu tương ứng với 85% công suất tối đa của máy.

**3.2 Thử tính năng hãm cưỡng bức của tàu (crash-stop test):** là việc xác định độ tiến tới của tàu tính từ thời gian ra lệnh dừng rồi lùi hết máy cho đến khi tàu dừng lại. Việc thử hãm tàu được tiến hành sau khi tàu đã chạy ổn định ở tốc độ thử tàu với tốc độ quay trở bằng không.

**3.3 Thử tính năng hãm tự do của tàu (stopping inertia test):** là việc xác định độ tiến tới của tàu tính từ thời gian ra lệnh ngừng máy cho đến khi tốc độ tàu giảm đến 5 hải lý/giờ. Việc thử hãm tàu này được tiến hành sau khi tàu đã chạy ổn định ở tốc độ chạy tới thử tàu và với tốc độ quay trở bằng không.

**3.4 Độ tiến về phía trước (head reach):** là quãng đường mà tàu đi được tính theo hướng đi ban đầu của tàu khi thử hãm cưỡng bức tàu.

**3.5 Quán tính tới (track reach):** là quãng đường mà tàu đi được tính dọc theo vết di chuyển của tàu khi thử hãm tự do tàu.

**3.6 Độ dạt ngang (lateral deviation):** là quãng đường mà tàu đi được tính theo phương vuông góc với hướng đi ban đầu của tàu khi thử hãm tàu.

**3.7 Tốc độ chạy tới hết máy (full ahead speed):** là tốc độ mà tàu đạt được tương ứng với chế độ tới hết máy (full ahead).

**3.8 Tốc độ chạy biển (full sea speed or navigation full):** là tốc độ tối đa mà tàu có thể đạt được trong khai thác.

**3.9 Thử zig-zag (zig-zag):** là phương pháp điều động tàu mà trong đó khi tàu lệch khỏi hướng ban đầu một lượng đã định thì bánh lái sẽ được bẻ sang hướng ngược lại.